# Ngữ pháp JLPT N4

Tài liệu này tổng hợp chi tiết các cấu trúc ngữ pháp trọng tâm trong kỳ thi JLPT N4. Người học nên nắm vững các mẫu câu, cách sử dụng và tình huống thực tế để nâng cao khả năng nghe – nói – đọc – viết trong tiếng Nhật. Các ví dụ và phần giải thích dưới đây giúp bạn áp dụng linh hoạt.

## 1. ～そうです (Có vẻ…)

Cấu trúc này được dùng khi người nói dự đoán điều gì đó sắp xảy ra hoặc có khả năng xảy ra dựa trên quan sát.  
Ví dụ:  
・雨が降りそうです。(Có vẻ trời sắp mưa.)  
・彼は忙しそうです。(Anh ấy trông có vẻ bận rộn.)  
Chú ý: Không dùng cho việc dự đoán dựa trên thông tin nghe được.

## 2. ～ながら

Diễn tả hai hành động xảy ra cùng lúc do cùng một chủ thể thực hiện.  
Ví dụ:  
・音楽を聞きながら勉強します。(Tôi học bài trong khi nghe nhạc.)  
・テレビを見ながらご飯を食べます。(Tôi ăn cơm trong khi xem TV.)

## 3. ～たほうがいいです (Nên...)

Dùng để khuyên ai đó làm hoặc không làm việc gì đó. Hình thức chia động từ là thể た hoặc thể ない.  
Ví dụ:  
・もっと勉強したほうがいいです。(Bạn nên học nhiều hơn.)  
・夜更かししないほうがいいです。(Bạn không nên thức khuya.)

## 4. ～てみます (Thử làm...)

Diễn tả hành động thử làm gì đó để kiểm tra kết quả.  
Ví dụ:  
・新しい料理を作ってみます。(Tôi sẽ thử nấu món mới.)

## 5. ～やすい / にくい

Dùng để nói rằng việc gì đó dễ hay khó làm.  
Ví dụ:  
・このペンは書きやすいです。(Cây bút này dễ viết.)  
・この漢字は覚えにくいです。(Chữ Hán này khó nhớ.)